

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Dương Mạnh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31/05/2012
2. Ông Đinh Hồng Long	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31/05/2012
	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31/05/2012
3. Ông Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31/05/2012
4. Ông Lưu Quang Minh	Ủy viên	
5. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên	
6. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/05/2012
7. Ông Nguyễn Đăng Chiêu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/05/2012
8. Bà Lương Thị Anh Hà	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31/05/2012
9. Ông Phạm Hồng Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31/05/2012

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2012
2. Ông Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/01/2012
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/01/2012
3. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	
4. Bà Phạm Thị Hà Thương	Phó Tổng Giám đốc	
5. Ông Hoàng Văn Diện	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY Ltd) - Thành viên độc lập của Hãng kiểm toán quốc tế UHY INTERNATIONAL (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo đúng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012*

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) lập tại ngày 26/08/2012 từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo kiểm toán số 166/2012/UHY-BCKT ngày 10/04/2012 về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2011 nêu ý kiến tùy thuộc liên quan đến “Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011), nội dung hợp đồng thể hiện Công ty cho Công ty Beta BQP vay 379.403.487.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A- Cienco5, số tiền đã chuyển cho BETA là 38 tỷ đồng. Việc ký hợp đồng cho vay với số tiền trên 379 tỷ đồng, giá trị vượt quá 50% giá trị tổng tài sản trên Báo cáo tài chính năm 2010 chưa có sự thông qua của Đại hội cổ đông. Tuy nhiên Công ty có ký với nhóm thể nhân bản hợp đồng hợp tác số 28-01/2011/HTĐT ngày 28/01/2011 để cùng đầu tư dự án, theo đó nhóm thể nhân tự nguyện góp số tiền 229.403.487.000 đồng cùng với Công ty để thực hiện hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA. Như vậy trong tổng số tiền cho vay theo hợp đồng, Công ty chỉ chuyển cho BETA 238 tỷ đồng, số tiền này chiếm khoảng 40% tổng giá trị tài sản và vẫn nằm trong mức quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty. Ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính tùy thuộc vào sự xem xét của Đại hội đồng cổ đông”.

Vấn đề trên đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012.

Các vấn đề hạn chế khác đã nêu tại báo cáo kiểm toán có ảnh hưởng đến công tác soát xét:

Khoản công nợ phải thu liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân trình bày trên báo cáo tài chính số tiền 238.000.000.000 đồng đang được Công ty trích lập dự phòng 50% giá trị. Do Ông Nguyễn Anh Quân đang có lệnh truy nã đồng thời với tài sản đảm bảo cho khoản công nợ này là số cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc, hiện nay chúng tôi không có cơ sở để định giá được giá trị của các cổ phần này nên chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của toàn bộ khoản công nợ nói trên cũng như tính hợp lý của mức trích lập dự phòng.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (TIẾP)

Các khoản phải thu liên quan đến tài sản chờ thu hồi giá trị 36 tỷ đồng nêu tại thuyết minh số 7; các khoản tạm ứng giá trị hơn 55 tỷ đồng nêu tại thuyết minh số 10 và các khoản đầu tư dài hạn giá trị là hơn 159,6 tỷ đồng nêu tại thuyết minh số 12 trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc. Chúng tôi không có đủ thông tin để đánh giá khả năng giảm giá trị của khoản tài sản chờ thu hồi, các khoản tạm ứng và các khoản đầu tư này và sự cần thiết phải trích lập dự phòng (nếu có).

Đến thời điểm lập Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Biên bản đối chiếu xác nhận của hơn 30,8 tỷ đồng đầu tư dài hạn khác (chiếm 19,3% tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn), các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đủ cơ sở để chúng tôi đưa ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các số dư cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty.

Tính đến ngày 30/06/2012, tổng công nợ ngắn hạn là 328.387.207.209 đồng, tổng tài sản ngắn hạn là 305.039.163.331 đồng trong đó các khoản phải thu liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân là 238.000.000.000 đồng đã quá hạn thanh toán, Công ty đã trích lập dự phòng số tiền là 119.000.000.000 đồng; lỗ lũy kế tính đến ngày 30/06/2012 là 216.305.964.658 đồng. Với tình hình tài chính như trên, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc phần lớn vào khả năng thu hồi khoản công nợ liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân cũng như khả năng thu xếp thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội tại ngày 30/06/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Phương Thảo

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0933/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Minh Long

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0666/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		305.039.163.331	355.229.392.100
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	325.304.873	1.146.815.121
Tiền	111		325.304.873	1.146.815.121
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	136.383.764.827	222.941.577.127
Đầu tư ngắn hạn	121		255.385.046.652	296.854.410.681
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(119.001.281.825)	(73.912.833.554)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.197.762.905	67.539.272.139
Phải thu khách hàng	131		6.583.976.329	12.038.526.953
Trả trước cho người bán	132		105.143.524	49.187.893.524
Các khoản phải thu khác	135	7	63.653.806.264	8.458.014.874
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(2.145.163.212)	(2.145.163.212)
Hàng tồn kho	140		43.558.411.659	6.718.675.242
Hàng tồn kho	141	9	43.558.411.659	6.718.675.242
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		56.573.919.067	56.883.052.471
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		79.719.859	59.194.929
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.361.443.908	1.371.188.630
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	55.132.755.300	55.452.668.912
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154.066.417.688	202.776.033.101
Tài sản cố định	220		728.682.282	1.433.280.814
Tài sản cố định hữu hình	221	11	728.682.282	1.433.280.814
- Nguyên giá	222		1.159.826.712	2.770.939.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(431.144.430)	(1.337.658.366)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		151.536.483.342	199.574.204.454
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	12	159.620.490.560	210.663.236.240
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(8.084.007.218)	(11.089.031.786)
Tài sản dài hạn khác	260		1.801.252.064	1.768.547.833
Chi phí trả trước dài hạn	261		254.165.906	221.461.675
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		435.558.380	435.558.380
Tài sản dài hạn khác	268		1.111.527.778	1.111.527.778
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		459.105.581.019	558.005.425.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		328.387.207.209	358.986.255.263
Nợ ngắn hạn	310		328.387.207.209	358.986.255.263
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	200.864.353.745	254.188.789.045
Phải trả người bán	312		14.686.772.428	15.779.058.738
Người mua trả tiền trước	313		3.627.677.450	4.938.057.051
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	11.216.383.503	10.953.268.530
Phải trả người lao động	315		709.869.820	704.035.171
Chi phí phải trả	316	16	24.613.804.548	11.691.857.807
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	68.967.077.316	56.997.406.522
Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành	323		3.701.268.399	3.733.782.399
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	18	130.718.373.810	199.019.169.938
Vốn chủ sở hữu	410		130.718.373.810	199.019.169.938
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324.533.600.000	324.533.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		16.350.914.364	19.415.004.618
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	(4.052.440.254)
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.871.413.179	3.871.413.179
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.268.410.925	2.268.410.925
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(216.305.964.658)	(147.016.818.530)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		459.105.581.019	558.005.425.201

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
Ngoại tệ các loại (USD)			1.338,29	1.356,18

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	9.699.937.336	169.185.843.214
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	9.699.937.336	169.185.843.214
Giá vốn hàng bán	11	20	15.610.263.583	157.923.523.247
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.910.326.247)	11.262.319.967
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	83.292.182	33.389.199.066
Chi phí tài chính	22	22	28.214.228.939	60.952.819.054
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.532.392.528</i>	<i>17.800.259.119</i>
Chi phí bán hàng	24	23	1.855.843.272	3.024.553.441
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	49.501.726.499	3.782.132.144
(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(85.398.832.775)	(23.107.985.606)
Thu nhập khác	31	25	881.818.182	35.011.704.540
Chi phí khác	32	26	998.811.535	1.200.880.000
(Lỗ)/ Lợi nhuận khác	40		(116.993.353)	33.810.824.540
Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
Tổng (lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(85.515.826.128)	10.702.838.934
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	4.105.592.527
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	(1.124.602.088)
(Lỗ)/ Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		(85.515.826.128)	7.721.848.495
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi ích của cổ đông Công ty	62		(85.515.826.128)	7.721.848.495
(Lỗ)/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(2.636)	244

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	42.068.893.763	291.932.611.513
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(10.924.894.363)	(220.094.831.355)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.554.784.439)	(1.965.400.511)
Tiền chi trả lãi vay	04	(3.776.764.006)	(16.425.993.595)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	(1.170.523.366)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.608.982.950	24.914.847.577
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(1.540.969.336)	(7.071.967.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.880.464.569	70.118.742.518
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(971.461.818)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	970.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.444.677.120)	(488.352.907.616)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	39.493.430.070	230.573.542.870
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.764.395.000	2.550.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.612.587.499	14.802.479.176
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	33.395.735.449	(241.398.347.388)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	988.350.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(288.000.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.414.731.440	623.344.716.944
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(76.500.791.706)	(555.657.787.420)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(61.097.710.266)	67.398.929.524
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(821.510.248)	(103.880.675.346)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.146.815.121	108.987.752.974
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	325.304.873	5.107.077.628

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007 (thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 10 ngày 06/05/2011) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐT BXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 Tòa nhà Viglacera, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Đến ngày 31/05/2012 địa chỉ trụ sở chính đăng ký thay đổi tại Tầng 5 Tòa nhà FLC LANDMARK TOWER đường Lê Đức Thọ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10, vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 324.533,6 triệu đồng Việt Nam, chia thành 32.453.360 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty thực hiện bán toàn bộ 263.000 cổ phiếu quỹ ra thị trường. Số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 30/06/2012 của Công ty là 32.453.360 cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SHN (ngày chào sàn 16/12/2009).

1.2 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đầu tư vào công ty con, nắm quyền kiểm soát công ty này trong việc ra các quyết định tài chính và quyết định kinh doanh. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty mẹ con do Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội giữ vai trò là Công ty mẹ.

Tại ngày 30/06/2012, Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty là:

	Tại ngày 30/06/2012	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	VND	(%)	(%)
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	100%	100%
Địa chỉ: Nhà Vườn NB42 KĐT Trung Hòa Nhân Chính - Hà Nội				
Ngành nghề kinh doanh chính:				
Vận tải hàng hóa, vận chuyển				
hành khách bằng ô tô; buôn bán				
nông lâm sản, nguyên liệu và				
động vật sống.				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty mẹ bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại;
- Và các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty con bao gồm:

- Vận tải hành khách, vận chuyển hàng hóa bằng ô tô theo chuyến, theo hợp đồng cố định;
- Kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải đường sắt;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Buôn bán đường sữa, và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Buôn bán đồ uống không có cồn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Công ty con do Công ty nắm giữ quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh nhằm đảm bảo để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là phù hợp và nhất quán.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại trừ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu và nợ phải trả trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Mặc dù gặp khó khăn về tài chính liên quan đến khoản phải thu Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân cũng như thu xếp thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng Công ty có khả năng thu hồi khoản công nợ này và thu xếp được các khoản phải trả khi đến hạn. Hiện tại, qua thông tin từ nhiều nguồn cũng như qua việc làm việc với gia đình Ông Nguyễn Anh Quân, Công ty đã tìm hiểu được Ông Nguyễn Anh Quân còn sở hữu một số tài sản và đã gửi Công văn đến Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự và quản lý kinh tế và chức vụ Công an Thành phố Hà Nội (PC 46) đề nghị PC46 phong tỏa các tài sản trên để giúp Hanic thu hồi công nợ. Các tài sản đề cập bao gồm: Biệt thự loại A1, ô số 15 khu đô thị Chùa Hà Tiên, phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc diện tích 400m²; Biệt thự tại số 91 đường Cao Thắng, phường 3, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 411m²; Biệt thự tại 42/42 đường Đặng Thai Mai, Tây Hồ, Hà Nội; 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Bê tông thép Ninh Bình...

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam. Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày trong Thuyết minh số 29.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan như được trình bày theo Thuyết minh số 29 trên các báo cáo tài chính chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối năm. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc giai đoạn.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian sử dụng (năm)</u>
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn bao gồm đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính dài hạn khác được lập vào thời điểm kết thúc giai đoạn là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại ngày này. Theo đó, dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường tại ngày lập báo cáo thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ kế toán. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi tổ chức này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỉ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (TIẾP)**

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn bao gồm đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Đối với khoản đầu tư vào dự án CT1 The Price, Công ty xác định có sự giảm giá của giá trị đầu tư so với giá thị trường nên Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng giảm giá các căn hộ với số tiền là: 8.084.007.218 đồng.

3.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chia cổ tức.

3.10 NGOẠI TỆ

Công ty thực hiện ghi nhận các khoản mục có gốc ngoại tệ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” theo đó:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Lợi nhuận phát sinh do đánh giá lại tỷ giá của các khoản công nợ, tiền có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Các khoản vay của Công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)

Đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán, giao dịch được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thỏa thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm kế toán.

3.13 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 6, Tòa nhà Viglacera, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***4. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hàng hóa Việt Nam VND	Công ty mẹ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
- Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	681.570.000	9.018.367.336	-	9.699.937.336
- Tổng doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận			-	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	681.570.000	9.018.367.336	-	9.699.937.336
Chi phí theo bộ phận				
- Chi phí phân bổ trực tiếp	(632.311.008)	(66.335.522.346)	-	(66.967.833.354)
Kết quả hoạt động theo bộ phận	49.258.992	(57.317.155.010)	-	(57.267.896.018)
- Thu nhập / (Chi phí) tài chính	202.851.739	(28.333.788.496)	-	(28.130.936.757)
- Thu nhập / (Chi phí) khác	-	(116.993.353)	-	(116.993.353)
- Lãi / (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	252.110.731	(85.767.936.859)	-	(85.515.826.128)
Tại ngày 30/06/2012				
Tài sản				
- Tài sản ngắn hạn	2.382.245.151	309.344.625.887	(6.687.707.707)	305.039.163.331
- Tài sản cố định hữu hình	-	728.682.282	-	728.682.282
- Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
- Tài sản dài hạn khác	-	154.902.177.026	(1.564.441.620)	153.337.735.406
Tổng tài sản	2.382.245.151	464.975.485.195	(8.252.149.327)	459.105.581.019
Nợ phải trả				
- Nợ ngắn hạn	6.367.307.707	328.707.607.209	(6.687.707.707)	328.387.207.209
- Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng Nợ phải trả	6.367.307.707	328.707.607.209	(6.687.707.707)	328.387.207.209
Vốn chủ sở hữu	(3.985.062.556)	136.267.877.986	(1.564.441.620)	130.718.373.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	112.786.116	129.888.719
Tiền gửi ngân hàng	212.518.757	1.016.926.402
	325.304.873	1.146.815.121

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		30/06/2012		01/01/2012
	CP	VND	CP	VND
- Cổ phiếu Đầu tư ngắn hạn	293	5.091.461	355.093	4.071.192.253
<u>Cổ phiếu niêm yết</u>				
Ngân hàng TMCP Á Châu	57	1.397.085	57	1.397.085
Công ty CP Xây lắp dầu khí	65	1.180.438	65	1.180.438
Công ty CP vật liệu xây dựng Đà Nẵng	-	-	87.200	840.894.430
Công ty Cổ phần Đầu tư CMC			17.800	353.379.806
Công ty CP Sông đà 1	-	-	249.700	2.871.376.106
Các cổ phiếu niêm yết khác	171	2.513.938	271	2.964.388
- Đầu tư ngắn hạn khác		255.379.955.191		292.783.218.428
Cho cá nhân và tổ chức kinh tế vay		248.124.401.431		256.521.269.348
<i>Trong đó</i>				
- Công ty CP BETA BQP vay (**)		238.000.000.000		238.000.000.000
- Cá nhân và tổ chức kinh tế khác vay (*)		10.124.401.431		18.521.269.348
Đầu tư ngắn hạn khác		7.255.553.760		36.141.094.080
Thẻ Golf		-		120.855.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(119.001.281.825)		(73.912.833.554)
Cổ phiếu niêm yết		(1.281.825)		(2.512.833.554)
Đầu tư ngắn hạn khác (***)		(119.000.000.000)		(71.400.000.000)
	293	136.383.764.827	355.093	222.941.577.127

(*) Đây là các khoản Công ty cho các cá nhân vay lại theo quy chế của Hội đồng Quản trị Công ty về việc huy động vốn nhân rồi của các thành viên trong Công ty và các tổ chức hoặc cá nhân ngoài xã hội. Theo quy chế này, các cá nhân có tài sản cho Công ty mượn làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng thì được vay lại tối đa 65% số tiền mà Công ty được vay với lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

(**) Công ty CP BETA BQP vay: Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011) số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A- Cienco5, số tiền cho vay là 38 tỷ đồng.

Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA BQP, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty CP BETA BQP. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên với số cổ phần là 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc và giá trị chuyển nhượng sẽ được bù trừ với số nợ còn phải thu của Ông Nguyễn Anh Quân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2012 việc thực hiện chuyển nhượng sang tên cổ phần của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc vẫn chưa được thực hiện. Hiện nay, Ông Nguyễn Anh Quân đã bỏ trốn và ngày có lệnh truy nã là ngày 24-12-2011. Công ty Hanic đã có công văn đề nghị Công ty CP Beta BQP và Nguyễn Anh Quân hoàn trả số tiền cam kết tại Công văn số 26/2011/CV-ĐTM, tuy nhiên, đến nay vẫn không có văn bản trả lời. Vì vậy Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 50% giá trị khoản công nợ này.

Liên quan đến khoản công nợ phải thu này, lãi vay phải thu của khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011 và Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, lãi suất vay là 25%/năm, ước tính đến 31/12/2011 là khoảng 41 tỷ đồng. Đồng thời, theo Công văn số 26/2011/CV-ĐTM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA BQP, khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng số tiền là: 35 tỷ đồng.

Ngoài ra, có khoản tiền Công ty CP BETA BQP xác nhận bồi thường thiệt hại cho Công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội do không thực hiện đúng các cam kết về thanh toán dẫn đến việc Công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội đã phải bán giảm giá tài sản để trả nợ cho các nhân đã góp vốn đầu tư vào Dự án Thanh Hà số tiền là khoảng 34 tỷ đồng. Tổng giá trị các khoản phải thu tăng thêm là khoảng 111 tỷ đồng. Do khoản nợ gốc chưa chắc chắn thu hồi nên tạm thời Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập này trên báo cáo tài chính.

(***) Khoản công nợ với Công ty CP BETA BQP số tiền chậm thanh toán là: 238 tỷ đồng, Công ty đang trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 50% trên tổng số tiền phải thu của Công ty CP BETA BQP.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu tiền bán chứng khoán	-	468.012.100
Ứng tiền góp vốn đầu tư bất động sản (*)	17.366.775.000	3.763.200.000
Tài sản chờ thu hồi (**)	36.000.000.000	-
Phải thu Công ty CP An Sinh	8.654.800.000	-
Tiền lãi vay phải thu khác	643.307.868	3.414.362.636
Phải thu khác	988.923.396	812.440.138
	63.653.806.264	8.458.014.874

(*): Trong đó bao gồm:

- Khoản phải thu Công ty CP Bất động sản Mê Kông số tiền là: 13.603.575.000 đồng. Công ty thực hiện theo hợp đồng góp vốn đầu tư Dự án: MEKONG PLAZA thuộc Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn – Geleximco, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội số GV12/18A-00/00/48 tháng 04 năm 2012.

- Khoản phải thu Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Bình số tiền là: 3.763.200.000 đồng. Công ty thực hiện theo hợp đồng số 06/2010/HĐCNGV/ABC-KH-N03T6 về việc góp vốn được quyền mua căn hộ Tòa nhà N03-06 khu ngoại giao đoàn. Ngoài ra, Công ty còn chuyển cho Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Bình số tiền là: 4,48 tỷ đồng. Đồng thời cũng ghi nhận khoản vay ngắn hạn không tính lãi với các cá nhân cho vay để được quyền mua căn hộ mà bên Công ty có quyền kinh doanh khi góp vốn đúng bằng số tiền 4,48 tỷ đồng. Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện việc bù trừ giữa khoản phải thu khác và khoản vay ngắn hạn số tiền là 4,48 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(**): Theo hợp đồng chuyển nhượng cây cảnh ngày 05 tháng 01 năm 2012 giữa Công ty với Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Công ty nhận của bà Ngọc 14 cây Tùng La Hán với giá trị là 36 tỷ đồng. Số nợ phải trả liên quan được dùng để bù trừ một phần khoản bà Ngọc còn nợ Công ty là 8.152.292.501 đồng; giá trị chênh lệch còn lại sẽ được chuyển sang góp vốn hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự phòng phải thu khó đòi khác	(2.145.163.212)	(2.145.163.212)
	(2.145.163.212)	(2.145.163.212)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	6.108.411.659	6.108.411.659
Hàng hoá	37.450.000.000	610.263.583
Giá trị gốc của hàng tồn kho	43.558.411.659	6.718.675.242

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	55.132.755.300	55.452.668.912
	55.132.755.300	55.452.668.912

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2012	2.558.538.286	212.400.894	2.770.939.180
Giảm trong kỳ	1.611.112.468	-	1.611.112.468
- Thanh lý, nhượng bán	1.611.112.468	-	1.611.112.468
30/06/2012	947.425.818	212.400.894	1.159.826.712
HAO MÒN LUỸ KẾ			
01/01/2012	(1.171.252.773)	(166.405.593)	(1.337.658.366)
Khấu hao trong kỳ	(141.468.802)	(18.013.362)	(159.482.164)
- Trích khấu hao trong kỳ	(141.468.802)	(18.013.362)	(159.482.164)
Giảm trong kỳ	1.065.996.100	-	1.065.996.100
- Thanh lý, nhượng bán	1.065.996.100	-	1.065.996.100
30/06/2012	(246.725.475)	(184.418.955)	(431.144.430)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2012	1.387.285.513	45.995.301	1.433.280.814
30/06/2012	700.700.343	27.981.939	728.682.282

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2012		01/01/2012	
	CP	VND	CP	VND
- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	-	40.759.850.000	-	48.252.350.000
<u>Cổ phiếu niêm yết</u>	-	-	-	-
<u>Cổ phiếu chưa niêm yết</u>	3.136.235	40.759.850.000	3.541.235	48.252.350.000
+ Công ty CP PV INCONESS	789.035	11.739.350.000	789.035	11.739.350.000
+ Công ty CP Chứng khoán Hà nội	60.000	2.100.000.000	60.000	2.100.000.000
+ Công ty CP phát triển hạ tầng Hà Nội	1.344.200	13.442.000.000	1.344.200	13.442.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Tài chính Findex	148.000	1.776.000.000	148.000	1.776.000.000
+ Tổng công ty CP Điện tử tin học	20.000	380.000.000	20.000	380.000.000
+ Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí	85.000	1.572.500.000	490.000	9.065.000.000
+ Công ty CP Thủy điện Đắkpru HANIC	390.000	3.900.000.000	390.000	3.900.000.000
+ Công ty CP Xuân Minh SD Thanh Hoa	300.000	5.850.000.000	300.000	5.850.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	1.100.000	118.860.640.560	1.100.000	162.410.886.240
+ Dự án khu nhà ở văn phòng Tây Mỗ		25.000.000.000		25.000.000.000
+ Dự án toà nhà văn phòng và khu chung cư cao cấp Mỹ Đình		5.067.000.000		5.067.000.000
+ Dự án Khu biệt thự Quang Hương		800.000.000		800.000.000
+ Dự án Trạm thu phí Hoàng Mai	-	-		13.500.000.000
+ Công ty CP Phát triển hạ tầng Kim Giang	-	18.207.000.000	-	18.207.000.000
(*)				
- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm CN Diềm Thụy	-	7.207.000.000	-	7.207.000.000
- Công ty CP Phát triển hạ tầng Kim Giang	1.100.000	11.000.000.000	1.100.000	11.000.000.000
+ Dự án CT1 - The Pride (**)		69.786.640.560	-	99.836.886.240
	4.236.235	159.620.490.560	4.641.235	210.663.236.240

Ghi chú: Khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc.

(*) Theo nghị quyết của HĐQT số 15/NQ-HĐQT/2012 ngày 22/05/2012 và Nghị Quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 của Đại hội đồng cổ đông về việc phê duyệt chuyển nhượng đầu tư từ khu công nghiệp Diềm Thụy tại Thái Nguyên sang khu đô thị sinh thái tại Hoà Bình. Công ty dự định về việc chuyển nhượng 1,1 triệu cổ phần với mệnh giá 11 tỷ (giá gốc khoản đầu tư là 11 tỷ) tại Công ty CP phát triển hạ tầng Kim Giang cho Công ty CP Đầu tư Thương mại Thịnh Lâm với giá 5,5 tỷ. Đổi lại, Công ty được quyền tham gia 51% giá trị dự án khu đô thị sinh thái 35ha tại tỉnh Hòa Bình của Công ty CP Đầu tư Thương mại Thịnh Lâm. Công ty đã ký biên bản thương thảo ngày 18/04/2012 với Công ty CP Đầu tư thương mại Thịnh Lâm nhưng chưa ký hợp đồng chính thức chuyển nhượng và cũng chưa làm thủ tục chuyển cổ phần tại Công ty CP phát triển hạ tầng Kim Giang.

(**) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty CP Đầu tư Hải Phát (chủ đầu tư) về việc góp vốn đầu tư và kinh doanh dự án “CT1 - Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc khu đô thị mới An Hưng - Hà Đông - Hà Nội”. Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư và phụ lục 06, Công ty sẽ góp vốn vào dự án với tổng số tiền là: 215.263.339.200 đồng với diện tích sàn 9.856,38 m2 từ tầng 7 đến tầng 33. Tính đến thời điểm 30/06/2012, Công ty đã góp là khoảng 59,8 tỷ đồng và ghi nhận khoản phải trả góp đợt 4 là 9.969.501.360 đồng. Phần còn lại sẽ góp theo tiến độ hoàn thành của dự án do chủ đầu tư thông báo. Trường hợp quyền mua các căn hộ được chuyển cho khách hàng, khách hàng sẽ trực tiếp thanh toán phần còn lại cho chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với khoản đầu tư vào dự án “CT1 - Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc khu đô thị mới An Hưng - Hà Đông - Hà Nội”.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Long Biên	29.450.000.000	29.150.000.000
Công ty CP Liên Việt Holdings	-	36.820.000.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô (*)	36.820.000.000	8.500.000.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán tại Công ty Chứng khoán Nam Việt	-	465.858.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán tại Công ty Chứng khoán VIB	129.600.000	-
Vay các cá nhân (**)	134.464.753.745	179.252.931.045
	200.864.353.745	254.188.789.045

(*) Các khoản vay hai ngân hàng này được Công ty thế chấp bằng một số căn hộ mà Công ty được quyền bán thuộc dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng, Hà Đông, Hà Nội.

(**) Trong đó có số dư vay cá nhân liên quan đến dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng, Hà Đông, Hà Nội với số tiền là 50.947.356.945 đồng. Các khoản vay này không tính lãi suất.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	125.666.714	109.330.596
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.190.953.154	10.190.953.154
Thuế thu nhập cá nhân	563.684.625	316.905.770
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	336.079.010	336.079.010
	11.216.383.503	10.953.268.530

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	24.613.804.548	11.691.857.807
	24.613.804.548	11.691.857.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	7.672.294	3.415.166
Bảo hiểm xã hội	1.937.640	52.464.693
Bảo hiểm y tế	288.944	9.085.496
Bảo hiểm thất nghiệp	192.629	4.197.541
Công ty Quản lý quỹ Dầu khí toàn cầu (*)	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty CP Phát triển hạ tầng Hà Nội (**)	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Đỗ Trung Thiện	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ tức phải trả cổ đông	-	16.267.249.376
Công ty CP Chứng khoán Nam Việt	-	192.591.919
Công ty CP Đầu tư Tài chính An Thịnh	305.730.435	-
Phải trả các cá nhân tiền góp vốn hợp tác đầu tư	4.199.400.000	4.199.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (***)	28.451.855.374	269.002.331
	68.967.077.316	56.997.406.522

(*) Công ty Quản lý Quỹ Dầu khí toàn cầu chuyển cho Công ty 24 tỷ đồng theo Hợp đồng số 01/HANIC-GP.FUND và Biên bản thống nhất ngày 16/05/2009 giữa Công ty và Công ty quản lý quỹ dầu khí toàn cầu (GP.FUND) về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tham gia góp 15% vốn đầu tư dự án xây dựng khu đô thị mới Tây Mỗ.

(**) Số tiền Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội chuyển theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền tham gia dự án Trung tâm Thương mại dịch vụ và nhà ở Vạn Minh.

(***) Trong đó số dư phải trả khác 27.847.707.499 liên quan đến việc công ty nhận chuyển nhượng 14 cây tùng la hán và bù lại đối tác sẽ được tham gia hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/Hanic ngày 10/11/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	324.533.600.000	324.533.600.000
	324.533.600.000	324.533.600.000

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, Công ty đã tiến hành bán toàn bộ 263.000 cổ phiếu quỹ ra thị trường. Số cổ phiếu của Công ty lưu hành tại ngày 30/06/2012 là 32.453.360 cổ phiếu.

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	324.533.600.000	324.533.600.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	324.533.600.000	324.533.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.453.360	32.453.360
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	32.453.360	32.453.360
+ Cổ phiếu thường	32.453.360	32.453.360
Số lượng cổ phiếu được bán ra lại	263.000	-
+ Cổ phiếu thường	263.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.453.360	32.190.360
+ Cổ phiếu thường	32.453.360	32.190.360
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	263.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****18.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
01/01/2011	324.533.600.000	24.836.524.364	(12.501.070.000)	1.209.778.494	604.889.247	24.556.656.449	363.240.378.554
Tăng vốn trong năm	-	-	(288.000.000)	-	-	-	(288.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(146.024.923.662)	(146.024.923.662)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.661.634.685	1.663.521.678	(4.325.156.363)	-
(Giảm) khác	-	(5.421.519.746)	8.736.629.746	-	-	(21.223.394.954)	(17.908.284.954)
31/12/2011	324.533.600.000	19.415.004.618	(4.052.440.254)	3.871.413.179	2.268.410.925	(147.016.818.530)	199.019.169.938
01/01/2012	324.533.600.000	19.415.004.618	(4.052.440.254)	3.871.413.179	2.268.410.925	(147.016.818.530)	199.019.169.938
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(85.515.826.128)	(85.515.826.128)
Tăng khác (*)	-	-	-	-	-	16.226.680.000	16.226.680.000
Giảm khác (**)	-	(3.064.090.254)	4.052.440.254	-	-	-	988.350.000
30/06/2012	324.533.600.000	16.350.914.364	-	3.871.413.179	2.268.410.925	(216.305.964.658)	130.718.373.810

(*) Tăng khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 nhất trí thông qua việc không trả nôt 5% cổ tức năm 2010.

(**) Giảm khác: Công ty thực hiện bán Cổ phiếu quỹ trong kỳ, giá trị khớp lệnh thấp hơn giá trị ghi sổ của Cổ phiếu quỹ phần chênh lệch hạch toán giảm giá trị thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.699.937.336	169.185.843.214
- Doanh thu bán hàng	9.681.570.000	161.965.405.490
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.367.336	7.220.437.724
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	9.699.937.336	169.185.843.214

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	15.610.263.583	157.923.523.247
	15.610.263.583	157.923.523.247

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	(213.927.169)	30.457.313.851
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2.139.550	1.271.860.167
Cổ tức lợi nhuận được chia	161.007.500	409.107.900
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	207.301	123.597.192
Doanh thu hoạt động tài chính khác	133.865.000	1.127.319.956
	83.292.182	33.389.199.066

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	17.532.392.528	17.800.259.119
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.408.356.057	24.509.007.130
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	263.001	19.680.101
Lỗ thoái vốn đầu tư	4.845.200.000	-
Lỗ giảm giá bán căn hộ	1.963.769.082	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu	(2.511.551.729)	(270.053.550)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	17.435.726.215
Chi phí tài chính khác	(24.200.000)	1.458.200.039
	28.214.228.939	60.952.819.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	659.990.542	1.128.350.800
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	86.323.133	117.438.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	50.596.970
Chi phí thuế, phí, lệ phí	5.028.000	12.209.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.968.286	1.357.974.255
Chi phí bằng tiền khác	1.061.533.311	357.983.970
	1.855.843.272	3.024.553.441

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.067.144.698	1.855.057.808
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	227.079.643	445.387.711
Chi phí khấu hao TSCĐ	159.482.164	353.422.810
Chi phí thuế, phí, lệ phí	73.045.727	99.838.067
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	47.871.648.268	223.416.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.025.999	569.380.239
Chi phí bằng tiền khác	6.300.000	235.628.609
	49.501.726.499	3.782.132.144

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định	881.818.182	-
Phạt vi phạm hợp đồng	-	35.000.000.000
Thu nhập khác	-	11.704.540
	881.818.182	35.011.704.540

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	453.695.167	1.200.000.000
Phạt chậm nộp thuế	-	880.000
Chi phí thanh lý tài sản cố định	545.116.368	-
	998.811.535	1.200.880.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(85.515.826.128)	10.702.838.934
Các khoản điều chỉnh khỏi thu nhập chịu thuế	161.007.500	(4.089.300.452)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	161.007.500	392.107.900
- Lỗ Công ty con	-	(4.481.408.352)
Điều chỉnh tăng chi phí tính thuế	-	3.780.956.985
- Chi phí lãi vay đã tính thuế TNDN theo biên bản quyết toán thuế	-	3.780.956.985
Điều chỉnh giảm chi phí tính thuế	2.651.828.433	1.749.046.697
- Phạt hành chính	-	880.000
- Chi phí lãi vay vượt mức 1,5 lần lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà Nước quy định	2.651.828.433	1.677.007.632
- Chi phí khấu hao vượt mức quy định	-	71.159.065
Tổng thu nhập chịu thuế	(83.025.005.195)	12.760.229.098
Chi phí thuế TNDN ước tính theo thuế suất 25%	-	3.190.057.274
Chi phí thuế TNDN phải nộp thêm theo biên bản quyết toán thuế	-	915.535.253
Chi phí thuế TN doanh nghiệp hiện hành	-	4.105.592.527
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(1.124.602.088)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.980.990.439

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

28.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(85.515.826.128)	7.721.848.495
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	32.445.522	31.635.625
(Lỗ)/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.636)	244

28.2 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 CP	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	32.453.360	31.643.360
Số cổ phiếu quỹ đầu năm	263.000	-
Số cổ phiếu quỹ tăng trong kỳ	-	(20.000)
Số cổ phiếu quỹ giảm trong kỳ	263.000	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ	32.445.522	31.635.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản vay (bao gồm các khoản vay, nợ như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.14 – Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	325.304.873	1.146.815.121
Đầu tư ngắn hạn	255.385.046.652	296.854.410.681
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.237.782.593	20.496.541.827
Đầu tư dài hạn khác	159.620.490.560	210.663.236.240
Tổng	485.568.624.678	529.161.003.869
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	200.864.353.745	254.188.789.045
Phải trả người bán	14.686.772.428	15.779.058.738
Chi phí phải trả	24.613.804.548	11.691.857.807
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	68.967.077.316	56.997.406.522
Phải trả phải nộp dài hạn khác	-	-
Tổng	309.132.008.037	338.657.112.112
Trạng thái ròng	176.436.616.641	190.503.891.757

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên giá trị tài sản bằng ngoại tệ của Công ty rất nhỏ.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản	27.921.653	28.102.713
- Đô la Mỹ (USD)	27.921.653	28.102.713
Công nợ	-	-
- Đô la Mỹ (USD)	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng phương pháp phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Ngoài ra, rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp. Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2012 là: 212.518.757 đồng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa thực hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc Công ty trên cơ sở phân tích các thông tin sẵn có liên quan.

Các khoản đầu tư

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư, cho vay với các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi của Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là: 66.678.559.887 đồng Việt Nam (Năm 2011: 16.887.319.121 đồng Việt Nam).

Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư ngắn hạn xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP)

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	5.091.461	4.071.192.253
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	(1.281.825)	(2.512.833.554)
	3.809.636	1.558.358.699
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu kỳ	(2.512.833.554)	(2.216.349.004)
Dự phòng giảm	2.511.551.729	(296.484.550)
Số dư cuối kỳ	(1.281.825)	(2.512.833.554)

Đầu tư ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	238.000.000.000	238.000.000.000
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	(119.000.000.000)	(71.400.000.000)
	119.000.000.000	166.600.000.000
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu kỳ	(71.400.000.000)	-
Dự phòng tăng	(47.600.000.000)	(71.400.000.000)
Số dư cuối kỳ	(119.000.000.000)	(71.400.000.000)

Giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	3.609.222.706	3.609.222.706
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	(2.145.163.212)	(2.145.163.212)
	1.464.059.494	1.464.059.494
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu kỳ	(2.145.163.212)	(273.292.491)
Dự phòng Tăng	-	(1.871.870.721)
Số dư cuối kỳ	(2.145.163.212)	(2.145.163.212)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP)

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư dài hạn khác xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	69.786.640.560	99.836.886.240
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	(8.084.007.218)	(11.089.031.786)
	61.702.633.342	88.747.854.454
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu kỳ	(11.089.031.786)	-
Dự phòng Tăng/ (Giảm)	3.005.024.568	(11.089.031.786)
Số dư cuối kỳ	(8.084.007.218)	(11.089.031.786)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/06/2012			
Vay và nợ ngắn hạn	200.864.353.745	-	200.864.353.745
Phải trả người bán	14.686.772.428	-	14.686.772.428
Chi phí phải trả	24.613.804.548	-	24.613.804.548
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	68.967.077.316	-	68.967.077.316
	309.132.008.037	-	309.132.008.037
31/12/2011			
Vay và nợ ngắn hạn	254.188.789.045	-	254.188.789.045
Phải trả người bán	15.779.058.738	-	15.779.058.738
Chi phí phải trả	11.691.857.807	-	11.691.857.807
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	56.997.406.522	-	56.997.406.522
	338.657.112.112	-	338.657.112.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Mặc dù đang gặp khó khăn do nợ ngắn hạn lớn trong khi Tài sản ngắn hạn có rủi ro tín dụng, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn hoặc làm việc với đối tác để được gia hạn nợ.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/06/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	325.304.873	-	325.304.873
Đầu tư ngắn hạn	255.385.046.652	-	255.385.046.652
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.237.782.593	-	70.237.782.593
Đầu tư dài hạn	-	159.620.490.560	159.620.490.560
	325.948.134.118	159.620.490.560	485.568.624.678
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.146.815.121	-	1.146.815.121
Đầu tư ngắn hạn	296.854.410.681	-	296.854.410.681
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.496.541.827	-	20.496.541.827
Đầu tư dài hạn	-	210.663.236.240	210.663.236.240
	318.497.767.629	210.663.236.240	529.161.003.869

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

30.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Vay bên liên quan		
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Ông Đinh Hồng Long	142.000.000	10.550.000.000
Ông Lưu Quang Minh	100.000.000	1.950.000.000
<i>Nợ gốc vay đã trả</i>		
Ông Đinh Hồng Long	1.663.500.000	10.550.000.000
Ông Lưu Quang Minh	160.000.000	265.000.000
<i>Lãi vay</i>		
Ông Đinh Hồng Long	182.402.538	623.275.000
Ông Lưu Quang Minh	428.246.999	130.470.167
<i>Lãi vay đã trả</i>		
Ông Đinh Hồng Long	252.365.493	623.275.000
Ông Lưu Quang Minh	510.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ông Đinh Hồng Long	102.000.000	-
Ông Lưu Quang Minh	4.125.000.000	1.685.000.000
Chi phí phải trả		
Ông Đinh Hồng Long	87.837.270	17.874.315
Ông Lưu Quang Minh	347.639.499	775.376.498

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Từ 01/01/2012
	đến 30/06/2012
	VND
Lương và thu nhập khác	408.310.429
	408.310.429

30.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty đã được soát xét.

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng